

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12 – 9 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thúy N, sinh ngày: 01/01/1982, số CCCD 0....0 cấp ngày 28/3/2023. Địa chỉ: Lô 37/40, khu công nghiệp M, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Lê Chí H, sinh năm: 1987. Số CCCD 0.....0 cấp ngày 23/9/2022. Địa chỉ: Số 21, đường T.P.X, Khóm 5, Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Khóm 5, Phường L.V.L, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Chí H kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, bà và ông H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông H không còn chung sống từ 2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên L sinh ngày 21/02/2015 đang sống cùng bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý để thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N. Nhưng ông Lê Chí H không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trần Thị Thúy N và ông Lê Chí H kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày ngày 26/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang, nay là xã C, tỉnh An Giang. Bà N yêu cầu ly hôn với ông H. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Lê Chí H, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông H đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H, đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại Điều 207, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, bà N và ông H đã không còn chung sống vợ chồng. Bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Dù ông H đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của bà N và triệu tập tham gia tố tụng vụ án nhưng đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến nào gửi đến Tòa án, không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, bà N và ông H đã có mâu thuẫn và không còn chung sống. Bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông H không yêu cầu hàn gắn, thể hiện hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn, không có thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho bà N ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà N xác định quá trình chung sống có một người con chung tên Lê Thúy V sinh ngày 21/02/2015. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con, yêu cầu này phù hợp với nguyên vọng của con chung, ông H không có ý kiến. Cần đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà N. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà N và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy N được ly hôn với ông Lê Chí H.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Lê Thúy V sinh ngày 21/02/2015 cho bà Trần Thị Thúy N tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Chí H có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), bà Trần Thị Thúy N phải nộp. Ngày 17/6/2025 bà Trần Thị Thúy N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Cà Mau theo lai thu số 0011045 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND X.Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu